TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147/2019/QĐST-HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 29 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 394/2019/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Tạ Thị S, sinh năm 1978, nơi cư trú: 49A Kí Con, phường 4, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

- Ông Tống Ngọc T, sinh năm 1972, nơi cư trú: 49A Kí Con, phường 4, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường THĐ, thành phố QN, tỉnh BĐ theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 04/11/1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà S cho rằng ông T không đem lại hạnh phúc cho bà, ông bà không hợp nhau, ông T không chia sẻ việc nuôi dạy con cái cũng như gánh vác công việc gia đình cùng với bà S. Hai bên thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng, quan tâm lẫn nhau. Bà S và ông T đã nhiều lần cùng nhau hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn giữa bà S và ông T thì thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông, bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng bà S và ông T thống nhất thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành ngày 21 tháng 5 năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T thống nhất có hai con chung là: Tống Ngọc Hoài T, sinh ngày 28/5/2001 và Tống Ngọc Hoài Th, sinh ngày 27/10/2008. Bà S, ông T cùng thống nhất giao con chung cho bà S được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T thống nhất mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Bà Tạ Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tống Ngọc Hoài T và Tống Ngọc Hoài Th cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tống Ngọc T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Bà Tạ Thị S và ông Tống Ngọc T đã nộp đủ lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009361, TU/2017/0009362 cùng ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND phường THĐ, thành phố QN, tỉnh BĐ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trà My